

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 28-3-2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đức Chung.

Bà Mai Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đường Hạc Vương Dung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm Sát Viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thúy A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ B, Ấp D, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH N - Lô L, đường K, KCN S, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đặng Xuân D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp D, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A có mặt, Anh D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2017 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy A trình bày: Chị và anh Đặng Xuân D xây dựng gia đình với

nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn và được UBND xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2007. Việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D không cho chị đi làm tăng ca và ép chị nghỉ việc. Ngoài ra, mỗi lần anh D uống rượu về thường chửi bới xúc phạm chị và gia đình chị. Chị và anh D đã sống ly thân nhau nhiều lần, lần sống ly thân gần đây nhất là vào ngày 20/01/2018 cho đến nay. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung: Chị A và anh D có 02 người con chung tên là Đặng Bảo K, sinh ngày 06/10/2007 và Đặng Bảo N, sinh ngày 03/10/2014. Chị A có nguyện vọng giao 02 con chung là cháu K và N cho anh D nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Đặng Xuân D tại hồ sơ thể hiện: Anh D và chị A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được UBND xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2007, việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân do chị A thường xuyên làm việc tăng ca, không có thời gian chăm lo cho gia đình, anh D có góp ý nhưng chị A không thay đổi mà bỏ nhà ra đi 06 tháng, sau đó chị A quay về sống chung được 03 tháng thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, hiện anh D và chị A đã sống ly thân nhau. Anh D xác định trong quá trình chung sống thỉnh thoảng anh có uống rượu về la mắng chị A, còn việc anh có xúc phạm danh dự chị A và gia đình chị A hay không thì anh không biết vì lúc đó anh không tỉnh táo. Nay chị A xin ly hôn, anh D không đồng ý vì anh D cho rằng những mâu thuẫn, cãi vã giữa anh và chị A chưa đến mức trầm trọng để ly hôn.

Về con chung: Anh D khai giữa anh và chị A có 02 con chung tên Đặng Bảo K, sinh ngày 06/10/2007 và Đặng Bảo N, sinh ngày 03/10/2014, nếu tòa chấp nhận đơn ly hôn của chị A thì anh đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng con. Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung.

Anh D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp xác định: Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh D kết hôn vào năm 2007 theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp số 20 ngày 02/02/2007. Chị A và anh D có 02 người con chung tên Đặng Bảo K, sinh ngày 06/10/2007 và Đặng Bảo N, sinh ngày 03/10/2014.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thu thập 01 biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh D chưa đến mức nghiêm trọng, lý do xin ly hôn của chị A không đủ căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Đặng Xuân D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đặng Xuân D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đặng Xuân D và chị Đặng Thị Thúy A xây dựng gia đình với nhau năm 2007 có đăng ký kết hôn và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2007, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị A xin ly hôn anh D với lý do vợ chồng sống chung không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, anh D uống rượu về hay chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Phía anh D cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm, anh D thừa nhận có uống rượu về la mắng chị A và vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều lần và lần gần nhất là từ tháng 01/2018 đến nay nhưng anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ vì anh D cho rằng những mâu thuẫn, cãi vã trên là mâu thuẫn nhỏ, không trầm trọng đến mức ly hôn.

Xét quan hệ hôn nhân của chị A và anh D thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thể hiện chị A và anh D đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2017, vợ chồng đã sống ly thân nhiều lần với thời gian dài, trong thời gian sống ly thân chị A và anh D không thể hòa giải, bàn bạc để đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc dù anh D khai mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhưng anh thừa nhận có mâu thuẫn nhiều lần, thừa nhận anh có uống rượu về la mắng chị A và giữa anh và chị A đã sống ly thân nhiều lần nhưng không có hướng đoàn tụ. Qua xác minh, Ủy ban nhân dân xã C cung cấp giữa chị A và anh D chung sống không hạnh phúc, bất hòa trong quan điểm sống và cũng xác định hiện tại anh D và chị A đã sống ly thân nhau. Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống giữa chị A và anh D có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị Thúy A yêu cầu giao 02 con chung là cháu Đặng Bảo K, sinh ngày 06/10/2007 và Đặng Bảo N, sinh ngày 03/10/2014 cho anh D nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con, anh D cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử giao 02 con chung là cháu K và N cho anh D nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Thúy A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của chị Đặng Thị Thúy A đối với anh Đặng Xuân D.

Xử cho chị A được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh D được quyền nuôi dưỡng 02 cháu Đặng Bảo K, sinh ngày 06/10/2007 và Đặng Bảo N, sinh ngày 03/10/2014. Tạm thời chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị A được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

2. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 005303 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Chị A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã C (GCN kết hôn số 20/2007)
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Bùi Thị Minh Thảo

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Bàu Cạn (GCN kết hôn số 20/2007)
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Đức Chung – Mai Thị Huệ

Bùi Thị Minh Thảo

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Bàu Cạn (GCN kết hôn số 20/2007)
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo

